

Số: 821 /QĐ-ĐHSP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp phát trợ cấp xã hội cho sinh viên
Học kỳ 1 năm học 2023 - 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị và học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phát trợ cấp xã hội cho 28 sinh viên hình thức đào tạo chính quy, học kỳ 1 năm học 2023 - 2024 (danh sách kèm theo). Bao gồm:

- 03 sinh viên thuộc đối tượng dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn;
- 01 sinh viên thuộc đối tượng mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa;
- 05 sinh viên thuộc đối tượng khuyết tật có khó khăn về kinh tế;
- 19 sinh viên thuộc đối tượng hộ nghèo và hộ cận nghèo.

Điều 2. Mức hưởng như sau:

- Đối tượng dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn: 140.000 đ/SV x 6 tháng;
- Đối tượng khuyết tật có khó khăn về kinh tế, đối tượng mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa và đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo: 100.000 đ/SV x 6 tháng.

Điều 3. Trường phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Thanh tra Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, các khoa đào tạo có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Lưu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC, CTCTHSSV, Dung.



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số 821/QĐ-ĐHSP, ngày 21 tháng 3 năm 2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Khoa	Đối tượng	Mức trợ cấp	Mức nhận
1	Hứa thị	Phương	47.01.756.102	17/07/2003	Tiếng Hàn	Dân tộc thiểu số, vùng ĐBKK	140,000	840,000
2	Lăng Thị	Tiên	48.01.603.027	12/07/2004	Địa lý	Dân tộc thiểu số, vùng ĐBKK	140,000	840,000
3	Nông Thị Thanh	Thúy	49.01.901.245	08/07/2005	GD Tiểu học	Dân tộc thiểu số, vùng ĐBKK	140,000	840,000
4	Phạm Thị Đoan	Trang	47.01.754.286	17/07/2003	Tiếng Trung	Mồ côi cha mẹ	100,000	600,000
5	Nguyễn Phan Lan	Anh	46.01.611.003	17/10/2002	Tâm lý học	Khuyết tật	100,000	600,000
6	Phan Thanh	Nhi	46.01.904.062	31/12/2002	GD Đặc biệt	Khuyết tật	100,000	600,000
7	Hồ Ngọc	Phương	47.01.904.009	29/11/2002	GD Đặc biệt	Khuyết tật	100,000	600,000
8	Hồ Ngọc	Trang	47.01.904.016	29/11/2002	GD Đặc biệt	Khuyết tật	100,000	600,000
9	Lê Nguyễn Đông	Vũ	46.01.904.124	08/10/1997	GD Đặc biệt	Khuyết tật	100,000	600,000
10	Đào Xuân	Tân	46.01.104.160	05/04/2002	CN Thông tin	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
11	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	46.01.104.131	20/08/2002	CN Thông tin	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
12	Nguyễn Thị	Lan	46.01.904.045	14/11/2002	GD Đặc biệt	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
13	Phạm Hồng Ni	Na	48.01.618.012	14/05/2004	GD Chính trị	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
14	Trần Thị Quỳnh	Nhi	49.01.904.001	24/07/2005	GD Đặc biệt	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
15	Nguyễn Hoàng Diễm	Quỳnh	47.01.902.161	17/02/2003	GD Mầm non	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
16	Trần Thị Ngọc	Huyền	48.01.901.082	26/03/2004	GD Tiểu học	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
17	Phan Hà Thu	Hiền	46.01.201.034	29/07/2002	Hóa học	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
18	Huỳnh Tấn Nhân	Tài	48.01.201.015	14/03/2004	Hóa học	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
19	Nguyễn Văn	An	49.01.602.004	10/11/2005	Lịch sử	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
20	Huỳnh Ngọc Bảo	Hân	47.01.301.045	02/07/2003	Sinh học	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
21	Nguyễn Đình	Quốc	46.01.611.097	03/02/2002	Tâm lý học	Hộ cận nghèo	100,000	600,000

Stt	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Khoa	Đối tượng	Mức trợ cấp	Mức nhận
22	Nguyễn Thị Nhã Ca	48.01.614.013	11/08/2004	Tâm lý học	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
23	Hồ Thị Thanh Tuyền	47.01.754.293	25/10/2003	Tiếng Trung	Hộ cận nghèo	100,000	600,000
24	Trần Văn Trung	47.01.616.219	27/05/2003	Địa lý	Hộ nghèo	100,000	600,000
25	Nguyễn Thị Như Quỳnh	49.01.401.149	07/01/2004	Hóa học	Hộ nghèo	100,000	600,000
26	Nguyễn Thị Phương Giang	47.01.601.050	17/02/2003	Ngữ văn	Hộ nghèo	100,000	600,000
27	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	49.01.607.076	19/05/2005	Ngữ văn	Hộ nghèo	100,000	600,000
28	Đoàn Thị Thanh Thanh	47.01.754.227	11/11/2003	Tiếng Trung	Hộ nghèo	100,000	600,000

Danh sách có 28 sinh viên. / *Thư*

17,520,000

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn